

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2019

BẢN TIN VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 đến ngày 30 tháng 04 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/11/2019 như sau:

Trạm	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa trong vụ Đông Xuân 2019-2020 (mm)
		TBNN	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	
Bến Cát	2.098,8	+ 26,4	- 4,0	- 10,3	+ 21,9	+ 33,9	125,8
Bình Long	1.753,0	- 12,7	+ 12,3	- 31,8	- 26,7	+ 4,1	131,3
Cần Đăng	1.307,6	- 26,7	- 24,0	- 42,3	- 38,6	- 17,3	165,8
Dầu Tiếng	2.895,6	+ 63,9	+ 38,0	+ 28,5	+ 37,3	+ 85,9	167,7
Đồng Ban	1.718,8	+ 1,3	+ 19,4	- 14,7	- 15,1	+ 43,7	214,9
Gò Dầu	1.958,4	+ 24,5	+ 16,0	+ 6,0	+ 14,5	+ 45,1	140,1
Lộc Ninh	2.011,4	+ 1,6	- 1,3	- 43,0	+ 19,8	+ 59,2	127,5
Sở Sao	2.749,6	+ 48,4	+ 22,5	+ 20,6	+ 17,9	+ 33,2	169,4
Tân Sơn Hòa	1.616,5	- 14,7	- 31,1	- 39,2	- 24,3	- 7,7	136,1
Tây Ninh	1.697,1	- 10,9	- 4,3	- 16,9	- 27,0	- 9,4	181,5
Trung bình	1.980,7	+ 10,1	+ 4,4	- 14,3	- 2,0	+ 27,1	156,0

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Trên phạm vi toàn lưu vực, lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 10,1%, cao hơn năm 2018 là 4,4% và thấp hơn 14,3% so với năm 2017. Lượng mưa lớn nhất tại trạm Dầu Tiếng (2.895,6 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trạm Cần Đăng (1.307,6 mm).

Theo dự báo thời hạn mùa của Trung tâm Dự báo KTTV Trung ương (bản tin cập nhật ngày 15/11/2019), lượng mưa khu vực Nam Bộ thời kỳ tháng 12/2019 tổng lượng mưa phổ biến 10-40 mm, tháng 1-2/2020 phổ biến ít mưa, tháng 3/2020 phổ biến thấp hơn từ 10-20%, tháng 4 đến tháng 5/2020 phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 156,0 mm. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo Xu thế nguồn nước
				TBNN	2018	2017	2016	
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	1.434,65	90,80	- 1,1	- 0,1	- 2,5	- 12,6	Giảm
Hồ Cần Nôm	7,99	6,71	84,01	- 11,5	- 8,3	- 16,0	- 8,3	Giảm
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 24,4	+ 11,2	+ 8,4	+ 29,5	Giảm
Hồ Tha La	23,47	18,96	80,80	+ 7,8	+ 2,8	+ 0,3	+ 7,1	Giảm
Hồ Bù Nâu	0,614	0,61	100,00	+ 2,4	0	0	+ 7,7	Giảm
Hồ Tà Thiét	1,15	1,150	100,00	+ 22,0	0	+ 0,9	+ 19,8	Giảm
Hồ Rừng Cắm	2,068	1,78	85,96	- 7,4	- 14,0	- 14,0	- 12,9	Giảm
Hồ Tà Te	0,756	0,76	100,00	+ 3,0	0	+ 0,8	+ 0,8	Giảm
Hồ Suối Láp	0,37	0,37	100,00	+ 6,6	+ 0,5	0	+ 15,6	Giảm
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 28,6	+ 28,6	- 0,1	+ 36,9	Giảm
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	1.468,81	90,65	+ 7,5	+ 2,1	- 2,2	+ 8,4	

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhân xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 30/11/2019 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 1.468,81 triệu m³ (đạt 90,65% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn so với cùng kỳ năm 2018 và TBNN.

Dự báo xu thế nguồn nước các hồ cuối vụ Đông Xuân năm 2019-2020 trên lưu vực sông Sài Gòn, vùng Đông Nam Bộ: 10/10 hồ có nguồn nước giảm so với cùng kỳ năm 2018-2019.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất của vụ Đông Xuân năm 2019-2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **231,5** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020								
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới (10 ⁶ m ³)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
Tổng cộng		6.715,0	1.681,0	35.265,0	447,0	45,33	54,70	46,24	49,80	35,42
1	Hồ Dầu Tiếng	6.500	1.647	32.613,0	440,0	42,79	51,66	43,53	46,80	32,92
2	Hồ Cần Nôm	89,0	31,0		7,0	0,21	0,30	0,24	0,23	0,09
3	Hồ Ba Veng			70,0		0,04	0,06	0,05	0,06	0,05

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020								
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới (10 ⁶ m ³)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
4	Hồ Tha La	10,0	3,0	2.237,0		1,81	2,00	1,80	2,04	1,93
5	Hồ Bù Nâu	42,0		50,0		0,10	0,15	0,14	0,14	0,06
6	Hồ Tà Thiết	70,0		20,0		0,22	0,29	0,27	0,27	0,15
7	Hồ Rừng Cắm			90,0		0,05	0,08	0,07	0,08	0,07
8	Hồ Tà Te	4,0		30,0		0,02	0,04	0,03	0,04	0,03
9	Hồ Suối Láp			85		0,05	0,07	0,07	0,07	0,07
10	Hồ Lộc Thạnh			70		0,04	0,06	0,05	0,06	0,05

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa năm 2019 - 2020 (10 ⁶ m ³)				
		Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
1	Hồ Dầu Tiếng	182,45	130,69	105,15	91,47	64,88
2	Hồ Cản Nôm	1,29	0,83	0,56	0,42	0,30
3	Hồ Ba Veng	0,55	0,30	0,15	0,09	0,05
4	Hồ Tha La	17,18	13,99	9,49	7,53	6,27
5	Hồ Bù Nâu	0,79	0,61	0,47	0,41	0,35
6	Hồ Tà Thiết	0,17	0,09	0,05	0,03	0,02
7	Hồ Rừng Cắm	0,53	0,40	0,32	0,29	0,27
8	Hồ Tà Te	0,10	0,07	0,05	0,04	0,03
9	Hồ Suối Láp	0,30	0,26	0,23	0,19	0,16
10	Hồ Lộc Thạnh	0,59	0,41	0,29	0,18	0,08

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước cho vụ Đông Xuân 2019-2020, kết quả dự báo vụ Đông Xuân từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/04/2020 như sau:

- **9/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** hồ Dầu Tiếng, hồ Cản Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Rừng Cắm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

- **1/10 hồ chứa có nguy cơ thiếu nước:** Hồ Tà Thiết thuộc tỉnh Bình Phước.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 01/12/2019 đến 30/04/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	90,80	41.200	49,23	100	41.200	Đủ nước
Hồ Cản Nôm	84,01	127	65,08	100	127	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	79,87	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	80,80	2.250	100,00	100	2.250	Đủ nước

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 01/12/2019 đến 30/04/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Bù Nâu	100,00	92	42,98	100	92	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	100,00	90	27,23	100	90	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Rừng Cắm	85,96	90	62,47	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	100,00	34	58,85	100	34	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	88,61	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	100,00	70	65,54	100	70	Đủ nước
Trung bình/Tổng	90,65	44.108^(*)	50,10	100	44.108^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	181,5	-	+ 19	- 67	Rủi ro hạn thấp
Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu	167,7	+ 7.524,1	+ 13	- 65	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu					
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
	Gia Lộc – Trảng Bàng					
Trung bình		174,6	+ 7.524,1	+ 16	- 66	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 16,0% và cao hơn nhiều so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân ở vùng ngoài công trình thủy lợi có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
44.108	6.715	37.393					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 30/4/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 981,25 triệu m³ (chiếm 50,1% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 30/04/2020 không thay đổi. ***Riêng hồ Tà Thiết thuộc tỉnh Bình Phước, có nguy cơ thiếu nước, cần sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, tiết kiệm nước để đảm bảo cấp nước cho vụ Đông Xuân 2019-2020 và những vụ sau.***

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2019-2020, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần, tháng và vụ mùa tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 01/05/2020 ./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG